

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27/8/2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Vương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Sơn
2. Ông Phạm Thanh Lý

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nguyễn Trọng Thành, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 95/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T

2. *Bị đơn:* Anh Phạm B

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng N.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/3/2021, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Phạm B kết hôn vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc một thời thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh B cờ bạc, về nhà có hành vi bạo lực với chị, chị đã nhiều lần khuyên nhủ anh Bình nhưng không có kết quả. Nay tình cảm giữa chị và anh B không còn, chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức cho chị được ly hôn anh Phạm B.

Về con chung: Chị và anh B có 02 con chung tên Phạm Anh K, sinh ngày 17/6/2008 và Phạm Tiến L, sinh ngày 04/6/2011. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 con chung, chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T khai không có.

** Tại bản tự khai ngày 09/4/2021, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, bị đơn anh Phạm B trình bày:*

Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Vợ chồng chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau. Nay chị Thi yêu cầu ly hôn anh B đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Thi có 02 con chung tên Phạm Anh K, sinh ngày 17/6/2008 và Phạm Tiến L, sinh ngày 04/6/2011. Khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức:*

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử ghi án.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

+ Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phạm B.

+ Về con chung: Giao con chung tên Phạm Anh K, sinh ngày 17/6/2008 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung tên Phạm Tiến L, sinh ngày 04/6/2011 cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

+ Đương sự chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án thụ lý đơn khởi kiện đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm quyền, giải quyết vụ án trong thời hạn luật định; nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại thời điểm chị Nguyễn Thị T khởi kiện thì anh Phạm đang cư trú tại thôn Tú Sơn 1, xã Đức Lâm, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức thụ lý vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm B kết hôn vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, quan hệ hôn nhân chị T và anh B là hợp pháp. Chị T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do bị đơn cờ bạc, có hành vi bạo lực với nguyên đơn. Anh B thì cho rằng, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau. Nay chị T yêu cầu ly hôn, anh Bình đồng ý. Điều đó chứng tỏ, mâu thuẫn giữa chị T và anh B là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh B.

[2.2] Về con chung:

Chị T và anh B có 02 con chung tên Phạm Anh Ki, sinh ngày 17/6/2008 và Phạm Tiến L, sinh ngày 04/6/2011. Chị T, anh B đều có nguyện vọng được nuôi 02 con.

Xét về điều kiện của chị T thì hiện tại chị T đang buôn bán ở chợ một buổi, một buổi ở nhà lo chăn nuôi có thu nhập ổn định; Xét điều kiện của anh B thì hiện tại làm nghề sửa xe máy có thu nhập ổn định. Như vậy, giữa chị T và anh B đều có điều kiện để nuôi con nhưng chị T, anh B đều không thỏa thuận người trực tiếp nuôi con.

Để đảm bảo sự phát triển toàn vẹn của các cháu, xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của cháu K, cháu L nên Hội đồng xét xử xem xét quyết định giao con chung cho chị T, anh B nuôi dưỡng nhưng quyết định giao con cho ai nuôi thì phải xem xét về nguyện vọng của các con từ đủ 07 tuổi trở lên; cháu Kiệt có nguyện vọng được ở với chị T, cháu L có nguyện vọng được ở với anh B. Xét về điều kiện của chị T, anh B và ý kiến của cháu K và cháu L, Hội đồng xét xử giao cháu K cho

chị chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; giao cháu L cho anh B chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng cho con:

Chị T, anh B không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: Chị T, anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về nợ chung: Chị T, anh B trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tại phiên tòa được chấp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 227, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 53, 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phạm B.

2. Về con chung: Giao con chung tên Phạm Anh K, sinh ngày 17/6/2008 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con chung tên Phạm Tiến L, sinh ngày 04/6/2011 cho anh Phạm B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T, anh B không cấp dưỡng tiền cho con.

Chị T, anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị T, anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị T, anh B trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000^d

(Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0005930 ngày 08 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/8/2021).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Chi Cục THADS huyện Mộ Đức;
- UBND xã Đức Phong;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Minh Vương